

6634
06/2

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1924/QĐ-BQP

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bãi bỏ thủ tục hành chính
lĩnh vực chứng thực điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng**

| | |
|----------------------|------------|
| UBND. TỈNH KHÁNH HÒA | |
| Số: 3549 | |
| ĐẾN | Ngày: 30/6 |
| | |
| Chuyên:..... | |

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 09/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Cơ yếu Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành và bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực chứng thực điện tử được công bố tại Quyết định số 6184/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

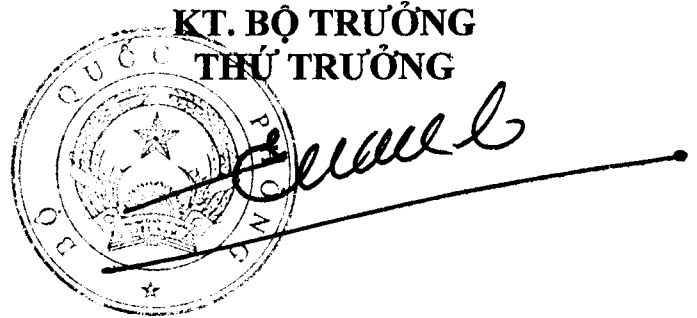
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Handwritten signature

Nơi nhận:

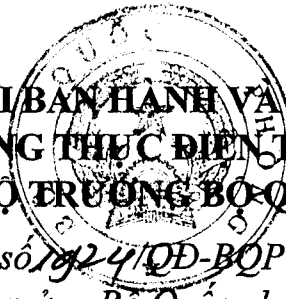
- Như Điều 3;
- Các đ/c Lãnh đạo BQP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban Cơ yếu Chính phủ⁰²;
- Cục Kiểm soát TTHC/VPCP;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, CCHC. Tr273.



Trung tướng Nguyễn Tân Cương

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ BÃI BỎ THỦ TỤC HÀNH
CHÍNH LĨNH VỰC CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ THUỘC PHẠM VI
QUẢN LÝ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-BQP ngày 19 tháng 6 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)



**Phần I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định TTHC | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện | Cơ quan quyết định |
|---|---------------|--|---|--------------------|--|--|
| THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH CẤP TRUNG ƯƠNG | | | | | | |
| 1 | | Thủ tục cấp mới chứng thư số cho cá nhân | - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 2 | | Thủ tục cấp mới chứng thư số cho người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước | - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định TTHC | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện | Cơ quan quyết định |
|-----|---------------|--|---|--------------------|--|--|
| 3 | | Thủ tục cấp mới chứng thư số cho cơ quan, tổ chức | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 4 | | Thủ tục cấp mới chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 5 | | Thủ tục gia hạn chứng thư số cho cá nhân | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 6 | | Thủ tục gia hạn chứng thư số cho người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định TTHC | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện | Cơ quan quyết định |
|-----|---------------|---|---|--------------------|--|--|
| | | người có chức danh nhà nước | | | | |
| 7 | | Thủ tục gia hạn chứng thư số cho cơ quan, tổ chức | - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 8 | | Thủ tục gia hạn chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm | - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 9 | | Thủ tục thay đổi nội dung thông tin của chứng thư số của cá nhân | - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 10 | | Thủ tục thay đổi nội dung thông tin của người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo | - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định TTHC | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện | Cơ quan quyết định |
|-----|---------------|---|---|--------------------|--|--|
| | | quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước | ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | | | |
| 11 | | Thủ tục thay đổi nội dung thông tin của cơ quan, tổ chức | - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 12 | | Thủ tục thay đổi nội dung thông tin của thiết bị, dịch vụ, phần mềm | - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 13 | | Thủ tục thu hồi chứng thư số của cá nhân | - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 14 | | Thủ tục thu hồi chứng thư số của cá | - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và | Cục Chứng thực số và |

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định TTHC | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện | Cơ quan quyết định |
|-----|---------------|--|---|--------------------|--|--|
| | | nhân người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước | năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | | Bảo mật thông tin | Bảo mật thông tin |
| 15 | | Thủ tục thu hồi chứng thư số của cơ quan, tổ chức | - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 16 | | Thủ tục thu hồi chứng thư số của thiết bị, dịch vụ, phần mềm | - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 17 | | Thủ tục khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật | - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên TTHC | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|-----|---------------|--|---|--------------------|--|
| 1 | | Thủ tục cấp chứng thư số cho cá nhân | Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 2 | | Thủ tục cấp chứng thư số cho người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước | Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 3 | | Thủ tục cấp chứng thư số cho cơ quan, tổ chức | Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 4 | | Thủ tục cấp chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm | Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 5 | | Thủ tục gia hạn chứng thư số cho cá nhân | Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 6 | | Thủ tục gia hạn chứng thư số cho người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo | Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |

| | | | | | |
|----|--|--|---|--------------------|--|
| | | quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước | | | |
| 7 | | Thủ tục gia hạn chứng thư số cho cơ quan, tổ chức | Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ, | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 8 | | Thủ tục gia hạn chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm | Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 9 | | Thủ tục thu hồi chứng thư số của cá nhân | Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 10 | | Thủ tục thu hồi chứng thư số của cá nhân người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước | Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 11 | | Thủ tục thu hồi chứng thư số của cơ quan, tổ chức | Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |
| 12 | | Thủ tục thu hồi chứng thư số của thiết bị, dịch vụ, phần | Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |

| | | | | | |
|----|--|--|---|--------------------|--|
| | | mềm | | | |
| 13 | | Thủ tục khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật | Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. | Chứng thực điện tử | Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin |

Phần II.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Thủ tục cấp mới chứng thư số cho cá nhân

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Cá nhân có văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp, gửi Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, tổ chức tạo cặp khóa, tạo chứng thư số, bảo đảm thiết bị lưu khóa bí mật cho thuê bao. Thông báo thời gian, địa điểm tiếp nhận thiết bị lưu khóa bí mật cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thuê bao.

Bước 3. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thuê bao, có trách nhiệm tiếp nhận thiết bị lưu khóa bí mật từ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ. Sau khi bàn giao thiết bị lưu khóa bí mật cho thuê bao, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi đề nghị thời điểm có hiệu lực của chứng thư số về Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị thời điểm có hiệu lực của chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm công bố chứng thư số của thuê bao trên Trang thông tin điện tử của Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ. Chứng thư số của thuê bao có hiệu lực kể từ thời điểm được Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ công bố.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị cấp chứng thư số cho cá nhân có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng thư số cho cá nhân, thiết bị lưu khóa bí mật.

- **Lệ phí (nếu có):** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Văn bản đề nghị cấp chứng thư số cho cá nhân thực hiện theo Mẫu 01 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

+ Văn bản đề nghị cấp chứng thư số thực hiện theo Mẫu 02 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

+ Phải là cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước có nhu cầu giao dịch điện tử;

+ Có văn bản đề nghị và được người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp xác nhận.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG THƯ SỐ CHO CÁ NHÂN

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

Họ và tên (chữ in hoa):.....Giới tính:...... Nam Nữ
 Ngày sinh:/...../..... Nơi sinh:.....
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:Ngày cấp:Nơi cấp:.....
 Địa chỉ thư điện tử công vụ (1):.....
 Cơ quan, tổ chức công tác:
 Địa chỉ:
 Chức vụ:
 Số điện thoại di động:
 SIM PKI (2):.....
 Số hiệu chứng thư số cũ (nếu có): Ngày cấp: Ngày hết hạn:.....

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Địa chỉ hộp thư điện tử của cá nhân được cấp bởi cơ quan nhà nước (không sử dụng các địa chỉ thư điện tử gmail, yahoo, hotmail...).

(2) SIM PKI là thiết bị thẻ SIM điện thoại có chức năng lưu khóa bí mật phục vụ ký số dữ liệu trên thiết bị di động đảm bảo an toàn. Nếu Thuê bao muốn đăng ký sử dụng SIM PKI thì điền thông tin nhà mạng viễn thông (Viettel, Vinaphone, Mobifone); Thuê bao muốn chuyển số đang sử dụng sang SIM PKI thì ghi thêm ký hiệu "cs" (Ví dụ: Viettel/cs).

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>

<Số, ký hiệu>

V/v đề nghị cấp chứng thư số cho cá nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (thiết bị lưu khóa bí mật):

- Họ và tên:Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:Ngày cấp:.....Nơi cấp:
- Chức vụ:Số điện thoại di động:.....Địa chỉ thư điện tử công vụ:.....
- Địa chỉ tiếp nhận: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>.

2. Số lượng và danh sách đăng ký: <Tổng số cá nhân đăng ký>, gồm:

| T T | Họ và tên | Ngày sinh | Số CMND/ CCCD/Hộ chiếu; Ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ thư điện tử công vụ (1) | Tên cơ quan, tổ chức công tác | Tỉnh/Thành phố (2) | Chức vụ | Số điện thoại di động | Số hiệu chứng thư số cũ (nếu có) | SIM PKI (3) |
|--------|--------------|--------------|---|---------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|------------|-----------------------------|--|-------------|
| 01 | | | | | | | | | | |
| 02 | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (4)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Địa chỉ hộp thư điện tử của cá nhân được cấp bởi cơ quan nhà nước (không sử dụng các địa chỉ thư điện tử gmail, yahoo, hotmail...).
- (2) Tỉnh/Thành phố của cơ quan, tổ chức công tác.
- (3) Nếu Thuê bao muốn đăng ký sử dụng SIM PKI thì điền thông tin nhà mạng viễn thông (Viettel, Vinaphone, Mobifone); Thuê bao muốn chuyển số đang sử dụng sang SIM PKI thì ghi thêm ký hiệu "cs" (Ví dụ: Viettel/cs).
- (4) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

2. Thủ tục cấp mới chứng thư số cho người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước phải có văn bản đề nghị cấp chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp và gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, tổ chức tạo cặp khóa, tạo chứng thư số, bảo đảm thiết bị lưu khóa bí mật cho thuê bao. Thông báo thời gian, địa điểm tiếp nhận thiết bị lưu khóa bí mật cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thuê bao.

Bước 3. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thuê bao có trách nhiệm tiếp nhận thiết bị lưu khóa bí mật từ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ. Sau khi bàn giao thiết bị lưu khóa bí mật cho thuê bao, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi đề nghị thời điểm có hiệu lực của chứng thư số về Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị thời điểm có hiệu lực của chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm công bố chứng thư số của thuê bao trên Trang thông tin điện tử của Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ. Chứng thư số của thuê bao có hiệu lực kể từ thời điểm được Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ công bố.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị cấp chứng thư số của của người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng thư số cho người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức; thiết bị lưu khóa bí mật.

- **Lệ phí (nếu có):** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Văn bản đề nghị cấp chứng thư số cho cá nhân thực hiện theo Mẫu 01 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

+ Văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số thực hiện theo Mẫu 02 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

+ Phải là người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước có nhu cầu giao dịch điện tử;

+ Có văn bản đề nghị và được người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp xác nhận.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG THƯ SỐ CHO CÁ NHÂN

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

Họ và tên (chữ in hoa):.....Giới tính:...... Nam Nữ
 Ngày sinh:/...../..... Nơi sinh:.....
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:Ngày cấp:Nơi cấp:.....
 Địa chỉ thư điện tử công vụ (1):.....
 Cơ quan, tổ chức công tác:
 Địa chỉ:
 Chức vụ:
 Số điện thoại di động:
 SIM PKI (2):.....
 Số hiệu chứng thư số cũ (nếu có): Ngày cấp: Ngày hết hạn:.....

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Địa chỉ hộp thư điện tử của cá nhân được cấp bởi cơ quan nhà nước (không sử dụng các địa chỉ thư điện tử gmail, yahoo, hotmail...).

(2) SIM PKI là thiết bị thẻ SIM điện thoại có chức năng lưu khóa bí mật phục vụ ký số dữ liệu trên thiết bị di động đảm bảo an toàn. Nếu Thuê bao muốn đăng ký sử dụng SIM PKI thì điền thông tin nhà mạng viễn thông (Viettel, Vinaphone, Mobifone); Thuê bao muốn chuyển số đang sử dụng sang SIM PKI thì ghi thêm ký hiệu “cs” (Ví dụ: Viettel/cs).

ve

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Số, ký hiệu>
V/v đề nghị cấp chứng thư số cho cá nhân

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (thiết bị lưu khóa bí mật):

- Họ và tên:.....Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:
- Chức vụ:.....Số điện thoại di động:.....Địa chỉ thư điện tử công vụ:
- Địa chỉ tiếp nhận: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>.

2. Số lượng và danh sách đăng ký: <Tổng số cá nhân đăng ký>, gồm:

| T | Họ và tên | Ngày sinh | Số CMND/ CCCD/Hộ chiếu; Ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ thư điện tử công vụ (1) | Tên cơ quan, tổ chức công tác | Tỉnh/Thành phố (2) | Chức vụ | Số điện thoại di động | Số hiệu chứng thư số cũ (nếu có) | SIM PKI (3) |
|-----|-----------|-----------|---|---------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|------------|-----------------------------|--|-------------|
| 01 | | | | | | | | | | |
| 02 | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Địa chỉ hộp thư điện tử của cá nhân được cấp bởi cơ quan nhà nước (không sử dụng các địa chỉ thư điện tử gmail, yahoo, hotmail...).
- (2) Tỉnh/Thành phố của cơ quan, tổ chức công tác.
- (3) Nếu Thuê bao muốn đăng ký sử dụng SIM PKI thì điền thông tin nhà mạng viễn thông (Viettel, Vinaphone, Mobifone); Thuê bao muốn chuyển số đang sử dụng sang SIM PKI thì ghi thêm ký hiệu "cs" (Ví dụ: Viettel/cs).
- (4) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (4)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

3. Thủ tục cấp mới chứng thư số cho cơ quan, tổ chức

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1. Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của cơ quan, tổ chức phải có văn bản đề nghị cấp chứng thư số có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, tổ chức tạo cặp khóa, tạo chứng thư số, bảo đảm thiết bị lưu khóa bí mật cho thuê bao. Thông báo thời gian, địa điểm tiếp nhận thiết bị lưu khóa bí mật cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thuê bao.

Bước 3. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thuê bao có trách nhiệm tiếp nhận thiết bị lưu khóa bí mật từ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ. Sau khi bàn giao thiết bị lưu khóa bí mật cho thuê bao, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi đề nghị thời điểm có hiệu lực của chứng thư số về Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị thời điểm có hiệu lực của chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm công bố chứng thư số của thuê bao trên Trang thông tin điện tử của Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ. Chứng thư số của thuê bao có hiệu lực kể từ thời điểm được Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ công bố.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- *Thành phần hồ sơ:* Văn bản đề nghị của người được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của cơ quan, tổ chức và được người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp xác nhận.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

- *Thời hạn giải quyết:* 04 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cơ quan, tổ chức.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng thư số cho cơ quan, tổ chức; thiết bị lưu khóa bí mật.

- **Lệ phí (nếu có):** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Văn bản đề nghị cấp chứng thư số cho cơ quan, tổ chức thực hiện theo Mẫu 03 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

+ Văn bản đề nghị cấp chứng thư số cho cơ quan, tổ chức thực hiện theo Mẫu 04 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

+ Phải là cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân;

+ Có quyết định thành lập cơ quan, tổ chức hoặc xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp;

+ Có văn bản đề nghị của người được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của cơ quan, tổ chức và được người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp xác nhận.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG THƯ SỐ CHO CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

Tên cơ quan, tổ chức được cấp chứng thư số:.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Mã quan hệ ngân sách:

Tỉnh/Thành phố:

Địa chỉ thư điện tử công vụ (1):.....

Số hiệu chứng thư số cũ (nếu có): Ngày cấp: Ngày hết hạn:.....

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Người quản lý chứng thư số

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Địa chỉ hộp thư điện tử của cơ quan, tổ chức sử dụng chứng thư số được cấp bởi cơ quan nhà nước (không sử dụng các địa chỉ thư điện tử gmail, yahoo, hotmail...).

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>

<Số, ký hiệu>

V/v đề nghị cấp chứng thư số cho cơ quan, tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (thiết bị lưu khóa bí mật):

- Họ và tên:.....Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:
- Chức vụ:.....Số điện thoại di động:.....Địa chỉ thư điện tử công vụ:
- Địa chỉ tiếp nhận: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>.

2. Số lượng và danh sách đăng ký: <Tổng số cơ quan, tổ chức đăng ký>, gồm:

| TT | Tên cơ quan, tổ chức | Địa chỉ | Mã số thuế | Mã quan hệ ngân sách | Tỉnh/Thành phố (1) | Địa chỉ thư điện tử công vụ (2) | Số hiệu chứng thư số cũ (nếu có) |
|-----|----------------------|---------|------------|----------------------|--------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| 01 | | | | | | | |
| 02 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (3)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tỉnh/Thành phố của cơ quan, tổ chức.

(2) Địa chỉ hộp thư điện tử của cơ quan, tổ chức sử dụng chứng thư số được cấp bởi cơ quan nhà nước (không sử dụng các địa chỉ thư điện tử gmail, yahoo, hotmail...).

(3) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

4. Thủ tục cấp mới chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm phải có văn bản đề nghị cấp chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, tổ chức tạo cặp khóa, tạo chứng thư số, bảo đảm thiết bị lưu khóa bí mật cho thuê bao. Thông báo thời gian, địa điểm tiếp nhận thiết bị lưu khóa bí mật cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thuê bao.

Bước 3. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thuê bao có trách nhiệm tiếp nhận thiết bị lưu khóa bí mật từ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ. Sau khi bàn giao thiết bị lưu khóa bí mật cho thuê bao, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi đề nghị thời điểm có hiệu lực của chứng thư số về Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị thời điểm có hiệu lực của chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm công bố chứng thư số của thuê bao trên Trang thông tin điện tử của Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ. Chứng thư số của thuê bao có hiệu lực kể từ thời điểm được Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ công bố.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị của người được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của thiết bị, dịch vụ, phần mềm, giấy xác nhận sở hữu bản quyền phần mềm của cơ quan, tổ chức quản lý phần mềm đó và được người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp xác nhận.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm; thiết bị lưu khóa bí mật.

- **Lệ phí (nếu có):** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Văn bản đề nghị của người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của thiết bị, dịch vụ, phần mềm thực hiện theo Mẫu 05 gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

+ Văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số thực hiện theo Mẫu 06 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

+ Thiết bị, dịch vụ và phần mềm thuộc sở hữu, quản lý của cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân;

+ Người quản lý chứng thư số của thiết bị, dịch vụ và phần mềm phải là người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu;

+ Có văn bản đề nghị của người được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của thiết bị, dịch vụ, phần mềm và được người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp xác nhận.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG THƯ SỐ CHO THIẾT BỊ, DỊCH VỤ, PHẦN MỀM

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

Loại chứng thư số (1):

Tên chứng thư số (2):.....

Cơ quan, tổ chức (3):

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...
Người quản lý chứng thư số
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Các loại chứng thư số Web Server (SSL), VPN Server, Mail Server, Code Signing ... thuộc quyền sở hữu của cơ quan, tổ chức.
- (2) Tên đăng ký chứng thư số được khai báo theo thứ tự ưu tiên như sau: Tên miền hoặc địa chỉ IP hoặc Tên thiết bị.
- (3) Cơ quan, tổ chức quản lý thiết bị, dịch vụ, phần mềm.

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>

<Số, ký hiệu>

V/v đề nghị cấp chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (Thiết bị lưu khóa bí mật):

- Họ và tên:.....Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Chức vụ:.....Số điện thoại di động:.....Địa chỉ thư điện tử công vụ:
- Địa chỉ tiếp nhận: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>.

2. Số lượng và danh sách đăng ký: <Tổng số chứng thư số đăng ký>, gồm:

| TT | Loại chứng thư số (1) | Tên chứng thư số (2) | Cơ quan, tổ chức (3) |
|-----|-----------------------|----------------------|----------------------|
| 01 | | | |
| 02 | | | |
| ... | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (4)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Các loại chứng thư số Web Server (SSL), VPN Server, Mail Server, Code Signing ... thuộc quyền sở hữu của cơ quan, tổ chức.
(2) Tên đăng ký chứng thư số được khai báo theo thứ tự ưu tiên như sau: Tên miền hoặc địa chỉ IP hoặc Tên thiết bị.
(3) Cơ quan, tổ chức quản lý thiết bị, dịch vụ, phần mềm.
(4) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

1/1

5. Thủ tục gia hạn chứng thư số cho cá nhân

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Cá nhân phải có văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đề nghị gia hạn chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm gia hạn chứng thư số cho thuê bao và thông báo cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

Trường hợp không chấp nhận đề nghị gia hạn chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng thư số cho cá nhân được gia hạn.

Lệ phí (nếu có): Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số thực hiện theo Mẫu 07 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

+ Văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số thực hiện theo Mẫu 08 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

+ Chứng thư số chỉ được đề nghị gia hạn 01 lần và phải đảm bảo còn thời hạn

sử dụng ít nhất 60 ngày;

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có văn bản đề nghị, được cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp phê duyệt và đề nghị gia hạn chứng thư số.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ GIA HẠN, THAY ĐỔI NỘI DUNG THÔNG TIN CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

I. Thông tin chứng thư số:

Loại chứng thư số: Cá nhân Cơ quan, tổ chức Thiết bị, dịch vụ, phần mềm

Tên chứng thư số (1):.....

Số điện thoại di động (2):

Số hiệu chứng thư số:.....Ngày cấp:.....Ngày hết hạn:

Địa chỉ thư điện tử công vụ (3):.....

II. Thông tin đề nghị (4):

1. Gia hạn chứng thư số:

2. Thay đổi nội dung thông tin chứng thư số:

| Thông tin cần thay đổi | Thông tin mới |
|------------------------|---------------|
| | |
| | |

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Người quản lý chứng thư số

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.

(3) Địa chỉ thư điện tử công vụ thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(4) Gia hạn hoặc thay đổi nội dung thông tin hoặc gia hạn và thay đổi nội dung thông tin.

< CƠ QUAN CHỦ QUẢN >
< CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP >

<Số, ký hiệu>

V/v đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (Thiết bị lưu khóa bí mật):

- Họ và tên:Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:Nơi cấp:
- Chức vụ:Số điện thoại di động:Địa chỉ thư điện tử công vụ:
- Địa chỉ tiếp nhận: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>

2. Số lượng và danh sách đăng ký: <Tổng số chứng thư số đăng ký>, gồm:

| TT | Tên chứng thư số (1) | Số hiệu chứng thư số | Địa chỉ thư điện tử công vụ | Số điện thoại di động (2) | Thông tin cần thay đổi (3) | Thông tin mới (4) | Dịch vụ yêu cầu (5) | |
|-----|----------------------|----------------------|-----------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | | | | Gia hạn (6) | Thay đổi thông tin (7) |
| 01 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 02 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| ... | | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.
- (2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.
- (3) và (4) Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số.
- (5) Nếu đăng ký gia hạn chứng thư số đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (6); nếu đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (7); Nếu đăng ký cả gia hạn và thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thì đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (6) và (7).
- (8) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (8)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

At

6. Thủ tục gia hạn chứng thư số cho người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Cá nhân người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước phải có văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đề nghị gia hạn chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm gia hạn chứng thư số cho thuê bao và thông báo cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

Trường hợp không chấp nhận đề nghị gia hạn chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng thư số cho người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức được gia hạn.

- Lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số thực hiện theo Mẫu 07 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

+ Văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số thực hiện theo Mẫu 08 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

+ Chứng thư số chỉ được đề nghị gia hạn 01 lần và phải đảm bảo còn thời hạn sử dụng ít nhất 60 ngày;

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có văn bản đề nghị, được cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp phê duyệt và đề nghị gia hạn chứng thư số.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ GIA HẠN, THAY ĐỔI NỘI DUNG THÔNG TIN CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

I. Thông tin chứng thư số:

Loại chứng thư số: Cá nhân Cơ quan, tổ chức Thiết bị, dịch vụ, phần mềm

Tên chứng thư số (1):.....

Số điện thoại di động (2):

Số hiệu chứng thư số:Ngày cấp:.....Ngày hết hạn:

Địa chỉ thư điện tử công vụ (3):.....

II. Thông tin đề nghị (4):

1. Gia hạn chứng thư số:

2. Thay đổi nội dung thông tin chứng thư số:

| Thông tin cần thay đổi | Thông tin mới |
|------------------------|---------------|
| | |
| | |

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Người quản lý chứng thư số

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.

(3) Địa chỉ thư điện tử công vụ thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(4) Gia hạn hoặc thay đổi nội dung thông tin hoặc gia hạn và thay đổi nội dung thông tin.

4/11

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
< CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP >

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Số, ký hiệu>

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (Thiết bị lưu khóa bí mật):

- Họ và tên:Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:Nơi cấp:
- Chức vụ:Số điện thoại di động:Địa chỉ thư điện tử công vụ:
- Địa chỉ tiếp nhận: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>.

2. Số lượng và danh sách đăng ký: <Tổng số chứng thư số đăng ký>, gồm:

| TT | Tên chứng thư số (1) | Số hiệu chứng thư số | Địa chỉ thư điện tử công vụ | Số điện thoại di động (2) | Thông tin cần thay đổi (3) | Thông tin mới (4) | Dịch vụ yêu cầu (5) | |
|-----|----------------------|----------------------|-----------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | | | | Gia hạn (6) | Thay đổi thông tin (7) |
| 01 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 02 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| ... | | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (8)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.
(2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.
(3) và (4) Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số.
(5) Nếu đăng ký gia hạn chứng thư số đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (6); nếu đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (7); Nếu đăng ký cả gia hạn và thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thì đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (6) và (7).
(8) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

7. Thủ tục gia hạn chứng thư số cho cơ quan, tổ chức

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1. Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của cơ quan, tổ chức phải có văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đề nghị gia hạn chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm gia hạn chứng thư số cho thuê bao và thông báo cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

Trường hợp không chấp nhận đề nghị gia hạn chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- *Thành phần hồ sơ:* Văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

- *Thời hạn giải quyết:* 03 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cơ quan, tổ chức.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng thư số cho cơ quan, tổ chức được gia hạn.

- *Lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

+ Văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số thực hiện theo Mẫu 07 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

+ Văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số thực hiện theo Mẫu 08 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

+ Chứng thư số chỉ được đề nghị gia hạn 01 lần và phải đảm bảo còn thời hạn sử dụng ít nhất 60 ngày;

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có văn bản đề nghị, được cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp phê duyệt và đề nghị gia hạn chứng thư số.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

49

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ GIA HẠN, THAY ĐỔI NỘI DUNG THÔNG TIN CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

I. Thông tin chứng thư số:

Loại chứng thư số: Cá nhân Cơ quan, tổ chức Thiết bị, dịch vụ, phần mềm

Tên chứng thư số (1):.....

Số điện thoại di động (2):

Số hiệu chứng thư số:.....Ngày cấp:.....Ngày hết hạn:

Địa chỉ thư điện tử công vụ (3):.....

II. Thông tin đề nghị (4):

1. Gia hạn chứng thư số:

2. Thay đổi nội dung thông tin chứng thư số:

| Thông tin cần thay đổi | Thông tin mới |
|------------------------|---------------|
| | |
| | |

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Người quản lý chứng thư số

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.

(3) Địa chỉ thư điện tử công vụ thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(4) Gia hạn hoặc thay đổi nội dung thông tin hoặc gia hạn và thay đổi nội dung thông tin.

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>

<Số, ký hiệu>

V/v đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (Thiết bị lưu khóa bí mật):

- Họ và tên:Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:Nơi cấp:
- Chức vụ:Số điện thoại di động:Địa chỉ thư điện tử công vụ:
- Địa chỉ tiếp nhận: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>.

2. Số lượng và danh sách đăng ký: <Tổng số chứng thư số đăng ký>, gồm:

| TT | Tên chứng thư số (1) | Số hiệu chứng thư số | Địa chỉ thư điện tử công vụ | Số điện thoại di động (2) | Thông tin cần thay đổi (3) | Thông tin mới (4) | Dịch vụ yêu cầu (5) | |
|-----|----------------------|----------------------|-----------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | | | | Gia hạn (6) | Thay đổi thông tin (7) |
| 01 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 02 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| ... | | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.
- (2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.
- (3) và (4) Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số.
- (5) Nếu đăng ký gia hạn chứng thư số đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (6); nếu đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (7); Nếu đăng ký cả gia hạn và thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thì đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (6) và (7).
- (8) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (8)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

8. Thủ tục gia hạn chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm phải văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đề nghị gia hạn chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm gia hạn chứng thư số cho thuê bao và thông báo cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

Trường hợp không chấp nhận đề nghị gia hạn chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- **Thành phần hồ sơ:** Văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm được gia hạn.

- **Lệ phí (nếu có):** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số thực hiện theo Mẫu 07 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

+ Văn bản đề nghị gia hạn chứng thư số thực hiện theo Mẫu 08 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

+ Chứng thư số chỉ được đề nghị gia hạn 01 lần và phải đảm bảo còn thời hạn sử dụng ít nhất 60 ngày.

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có văn bản đề nghị, được cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp phê duyệt và đề nghị gia hạn chứng thư số.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ GIA HẠN, THAY ĐỔI NỘI DUNG THÔNG TIN CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

I. Thông tin chứng thư số:

Loại chứng thư số: Cá nhân Cơ quan, tổ chức Thiết bị, dịch vụ, phần mềm

Tên chứng thư số (1):.....

Số điện thoại di động (2):

Số hiệu chứng thư số: Ngày cấp:.....Ngày hết hạn:.....

Địa chỉ thư điện tử công vụ (3):.....

II. Thông tin đề nghị (4):

1. Gia hạn chứng thư số:

2. Thay đổi nội dung thông tin chứng thư số:

| Thông tin cần thay đổi | Thông tin mới |
|------------------------|---------------|
| | |
| | |

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Người quản lý chứng thư số

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.

(3) Địa chỉ thư điện tử công vụ thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(4) Gia hạn hoặc thay đổi nội dung thông tin hoặc gia hạn và thay đổi nội dung thông tin.

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Số, ký hiệu>

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (Thiết bị lưu khóa bí mật):

- Họ và tên:Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:Nơi cấp:
- Chức vụ:Số điện thoại di động:Địa chỉ thư điện tử công vụ:
- Địa chỉ tiếp nhận: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>.

2. Số lượng và danh sách đăng ký: <Tổng số chứng thư số đăng ký>, gồm:

| TT | Tên chứng thư số (1) | Số hiệu chứng thư số | Địa chỉ thư điện tử công vụ | Số điện thoại di động (2) | Thông tin cần thay đổi (3) | Thông tin mới (4) | Dịch vụ yêu cầu (5) | |
|-----|----------------------|----------------------|-----------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | | | | Gia hạn (6) | Thay đổi thông tin (7) |
| 01 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 02 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| ... | | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (8)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.
(2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.
(3) và (4) Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số.
(5) Nếu đăng ký gia hạn chứng thư số đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (6); nếu đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (7); Nếu đăng ký cả gia hạn và thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thì đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (6) và (7).
(8) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

AA

9. Thủ tục thay đổi nội dung thông tin chứng thư số của cá nhân

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1. Cá nhân phải có văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm thay đổi nội dung thông tin chứng thư số và thông báo cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

Trường hợp không chấp nhận đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- *Thành phần hồ sơ:* Văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

- *Thời hạn giải quyết:* 03 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng thư số cho cá nhân được thay đổi nội dung thông tin.

- *Lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

+ Văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thực hiện theo Mẫu 07 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

+ Văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thực hiện theo Mẫu 08 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*

+ Chứng thư số yêu cầu thay đổi nội dung thông tin phải đảm bảo còn thời hạn sử dụng ít nhất 60 ngày và thời hạn của chứng thư số sau khi được thay đổi nội dung thông tin sẽ giữ nguyên thời hạn sử dụng của chứng thư số trước khi thay đổi thông tin;

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có văn bản đề nghị được cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp phê duyệt và đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ GIA HẠN, THAY ĐỔI NỘI DUNG THÔNG TIN CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

I. Thông tin chứng thư số:

Loại chứng thư số: Cá nhân Cơ quan, tổ chức Thiết bị, dịch vụ, phần mềm

Tên chứng thư số (1):.....

Số điện thoại di động (2):

Số hiệu chứng thư số: Ngày cấp: Ngày hết hạn:

Địa chỉ thư điện tử công vụ (3):.....

II. Thông tin đề nghị (4):

1. Gia hạn chứng thư số:

2. Thay đổi nội dung thông tin chứng thư số:

| Thông tin cần thay đổi | Thông tin mới |
|------------------------|---------------|
| | |
| | |

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Người quản lý chứng thư số

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.

(3) Địa chỉ thư điện tử công vụ thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(4) Gia hạn hoặc thay đổi nội dung thông tin hoặc gia hạn và thay đổi nội dung thông tin.

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Số, ký hiệu>

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (Thiết bị lưu khóa bí mật):

- Họ và tên:Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:Nơi cấp:
- Chức vụ:Số điện thoại di động:Địa chỉ thư điện tử công vụ:
- Địa chỉ tiếp nhận: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>.

2. Số lượng và danh sách đăng ký: <Tổng số chứng thư số đăng ký>, gồm:

| TT | Tên chứng thư số (1) | Số hiệu chứng thư số | Địa chỉ thư điện tử công vụ | Số điện thoại di động (2) | Thông tin cần thay đổi (3) | Thông tin mới (4) | Dịch vụ yêu cầu (5) | |
|-----|----------------------|----------------------|-----------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | | | | Gia hạn (6) | Thay đổi thông tin (7) |
| 01 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 02 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| ... | | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (8)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.
(2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.
(3) và (4) Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số.
(5) Nếu đăng ký gia hạn chứng thư số đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (6); nếu đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (7); Nếu đăng ký cả gia hạn và thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thì đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (6) và (7).
(8) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

10. Thủ tục thay đổi nội dung thông tin chứng thư số của cá nhân người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Cá nhân người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước phải có văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin của chứng thư số có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm thay đổi nội dung thông tin chứng thư số và thông báo cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

Trường hợp không chấp nhận đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng thư số cho cá nhân người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước được thay đổi nội dung thông tin.

- Lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thực hiện theo

Mẫu 07 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

+ Văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thực hiện theo Mẫu 08 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

+ Chứng thư số yêu cầu thay đổi nội dung thông tin phải đảm bảo còn thời hạn sử dụng ít nhất 60 ngày và thời hạn của chứng thư số sau khi được thay đổi nội dung thông tin sẽ giữ nguyên thời hạn sử dụng của chứng thư số trước khi thay đổi thông tin;

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có văn bản đề nghị được cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp phê duyệt và đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ GIA HẠN, THAY ĐỔI NỘI DUNG THÔNG TIN CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

I. Thông tin chứng thư số:

Loại chứng thư số: Cá nhân Cơ quan, tổ chức Thiết bị, dịch vụ, phần mềm

Tên chứng thư số (1):

Số điện thoại di động (2):

Số hiệu chứng thư số: Ngày cấp: Ngày hết hạn:

Địa chỉ thư điện tử công vụ (3):

II. Thông tin đề nghị (4):

1. Gia hạn chứng thư số:

2. Thay đổi nội dung thông tin chứng thư số:

| Thông tin cần thay đổi | Thông tin mới |
|------------------------|---------------|
| | |
| | |

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Người quản lý chứng thư số

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.

(3) Địa chỉ thư điện tử công vụ thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(4) Gia hạn hoặc thay đổi nội dung thông tin hoặc gia hạn và thay đổi nội dung thông tin.

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Số, ký hiệu>

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (Thiết bị lưu khóa bí mật):

- Họ và tên:Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:Nơi cấp:
- Chức vụ:Số điện thoại di động:Địa chỉ thư điện tử công vụ:
- Địa chỉ tiếp nhận: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>.

2. Số lượng và danh sách đăng ký: <Tổng số chứng thư số đăng ký>, gồm:

| TT | Tên chứng thư số (1) | Số hiệu chứng thư số | Địa chỉ thư điện tử công vụ | Số điện thoại di động (2) | Thông tin cần thay đổi (3) | Thông tin mới (4) | Dịch vụ yêu cầu (5) | |
|-----|----------------------|----------------------|-----------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | | | | Gia hạn (6) | Thay đổi thông tin (7) |
| 01 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 02 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| ... | | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.
- (2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.
- (3) và (4) Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số.
- (5) Nếu đăng ký gia hạn chứng thư số đánh dấu "x" vào ô vuông "□" trống tại cột (6); nếu đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đánh dấu "x" vào ô vuông "□" trống tại cột (7); Nếu đăng ký cả gia hạn và thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thì đánh dấu "x" vào ô vuông "□" trống tại cột (6) và (7).
- (8) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (8)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

11. Thủ tục thay đổi nội dung thông tin chứng thư số của cơ quan, tổ chức

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1. Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của cơ quan, tổ chức phải có văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin của chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm thay đổi nội dung thông tin chứng thư số và thông báo cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

Trường hợp không chấp nhận đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- *Thành phần hồ sơ:* Văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

- *Thời hạn giải quyết:* 03 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cơ quan, tổ chức.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng thư số cho cá nhân, tổ chức được thay đổi nội dung thông tin.

- *Lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

+ Văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thực hiện theo Mẫu 07 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

- Văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thực hiện theo Mẫu 08 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

+ Chứng thư số yêu cầu thay đổi nội dung thông tin phải đảm bảo còn thời hạn sử dụng ít nhất 60 ngày và thời hạn của chứng thư số sau khi được thay đổi nội dung thông tin sẽ giữ nguyên thời hạn sử dụng của chứng thư số trước khi thay đổi thông tin;

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có văn bản đề nghị được cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp phê duyệt và đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ GIA HẠN, THAY ĐỔI NỘI DUNG THÔNG TIN CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

I. Thông tin chứng thư số:

Loại chứng thư số: Cá nhân Cơ quan, tổ chức Thiết bị, dịch vụ, phần mềm

Tên chứng thư số (1):.....

Số điện thoại di động (2):

Số hiệu chứng thư số: Ngày cấp: Ngày hết hạn:

Địa chỉ thư điện tử công vụ (3):.....

II. Thông tin đề nghị (4):

1. Gia hạn chứng thư số:

2. Thay đổi nội dung thông tin chứng thư số:

| Thông tin cần thay đổi | Thông tin mới |
|------------------------|---------------|
| | |
| | |

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Người quản lý chứng thư số

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.

(3) Địa chỉ thư điện tử công vụ thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(4) Gia hạn hoặc thay đổi nội dung thông tin hoặc gia hạn và thay đổi nội dung thông tin.

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Số, ký hiệu>

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (Thiết bị lưu khóa bí mật):

- Họ và tên:Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Chức vụ:Số điện thoại di động:Địa chỉ thư điện tử công vụ:
- Địa chỉ tiếp nhận: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>

2. Số lượng và danh sách đăng ký: <Tổng số chứng thư số đăng ký>, gồm:

| TT | Tên chứng thư số (1) | Số hiệu chứng thư số | Địa chỉ thư điện tử công vụ | Số điện thoại di động (2) | Thông tin cần thay đổi (3) | Thông tin mới (4) | Dịch vụ yêu cầu (5) | |
|-----|----------------------|----------------------|-----------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | | | | Gia hạn (6) | Thay đổi thông tin (7) |
| 01 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 02 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| ... | | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.
- (2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.
- (3) và (4) Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số.
- (5) Nếu đăng ký gia hạn chứng thư số đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (6); nếu đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (7); Nếu đăng ký cả gia hạn và thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thì đánh dấu “x” vào ô vuông “” trống tại cột (6) và (7).
- (8) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (8)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

12. Thủ tục thay đổi nội dung thông tin chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1. Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm phải có văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin của chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm thay đổi nội dung thông tin chứng thư số và thông báo cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

Trường hợp không chấp nhận đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- *Thành phần hồ sơ:* Văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

- *Thời hạn giải quyết:* 03 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cơ quan, tổ chức.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng thư số cho cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm được thay đổi nội dung thông tin.

- *Lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

+ Văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thực hiện theo Mẫu 07 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

+ Văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thực hiện theo Mẫu 08 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

+ Chứng thư số yêu cầu thay đổi nội dung thông tin phải đảm bảo còn thời hạn sử dụng ít nhất 60 ngày và thời hạn của chứng thư số sau khi được thay đổi nội dung thông tin sẽ giữ nguyên thời hạn sử dụng của chứng thư số trước khi thay đổi thông tin;

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có văn bản đề nghị được cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp phê duyệt và đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ GIA HẠN, THAY ĐỔI NỘI DUNG THÔNG TIN CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

I. Thông tin chứng thư số:

Loại chứng thư số: Cá nhân Cơ quan, tổ chức Thiết bị, dịch vụ, phần mềm

Tên chứng thư số (1):.....

Số điện thoại di động (2):

Số hiệu chứng thư số: Ngày cấp: Ngày hết hạn:

Địa chỉ thư điện tử công vụ (3):.....

II. Thông tin đề nghị (4):

1. Gia hạn chứng thư số:

2. Thay đổi nội dung thông tin chứng thư số:

| Thông tin cần thay đổi | Thông tin mới |
|------------------------|---------------|
| | |
| | |

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Người quản lý chứng thư số

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.

(3) Địa chỉ thư điện tử công vụ thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(4) Gia hạn hoặc thay đổi nội dung thông tin hoặc gia hạn và thay đổi nội dung thông tin.

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Số, ký hiệu>

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (Thiết bị lưu khóa bí mật):

- Họ và tên:Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:Nơi cấp:
- Chức vụ:Số điện thoại di động:Địa chỉ thư điện tử công vụ:
- Địa chỉ tiếp nhận: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>

2. Số lượng và danh sách đăng ký: <Tổng số chứng thư số đăng ký>, gồm:

| TT | Tên chứng thư số (1) | Số hiệu chứng thư số | Địa chỉ thư điện tử công vụ | Số điện thoại di động (2) | Thông tin cần thay đổi (3) | Thông tin mới (4) | Dịch vụ yêu cầu (5) | |
|-----|----------------------|----------------------|-----------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | | | | Gia hạn (6) | Thay đổi thông tin (7) |
| 01 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 02 | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| ... | | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.
(2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.
(3) và (4) Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số.
(5) Nếu đăng ký gia hạn chứng thư số đánh dấu "x" vào ô vuông "□" trống tại cột (6); nếu đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đánh dấu "x" vào ô vuông "□" trống tại cột (7); Nếu đăng ký cả gia hạn và thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thì đánh dấu "x" vào ô vuông "□" trống tại cột (6) và (7).
(8) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (8)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

M

13. Thủ tục thu hồi chứng thư số của cá nhân

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Cá nhân được cấp chứng thư số có văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số của cá nhân có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc cơ quan, tổ chức quản lý thuê bao có văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số của cá nhân gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị thu hồi chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ phải làm mất hiệu lực của chứng thư số và công bố chứng thư số bị thu hồi trên trang Thông tin điện tử của Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin; đồng thời thông báo thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 12 giờ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng thư số bị mất hiệu lực; thiết bị lưu khóa bí mật được thu hồi.

- Lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số thực hiện theo Mẫu 09 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

+ Văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số thực hiện theo Mẫu 10 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

+ Chứng thư số hết hạn sử dụng;

+ Theo yêu cầu bằng văn bản từ thuê bao, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp trong các trường hợp: Khóa bí mật bị lộ hoặc nghi bị lộ; thiết bị lưu khóa bí mật bị thất lạc hoặc các trường hợp mất an toàn khác; thiết bị lưu khóa bí mật bị hỏng;

+ Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an;

+ Thuê bao vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật được quy định tại Điều 74 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP;

+ Cá nhân thay đổi vị trí công tác mà thông tin về vị trí công tác mới không phù hợp với thông tin trong chứng thư số;

+ Cá nhân nghỉ hưu, thôi việc, từ trần.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ THU HỒI CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

Họ và tên (chữ in hoa):Giới tính: Nam Nữ

Ngày sinh:Nơi sinh:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Chức vụ:.....

Cơ quan, tổ chức công tác:

Số điện thoại di động:.....

Đề nghị thu hồi chứng thư số:

Tên chứng thư số (1):

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (2): Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Mã số thuế (3):.....

Mã quan hệ ngân sách (4):.....

Địa chỉ thư điện tử công vụ (5):

Số hiệu chứng thư số:

Số hiệu Thiết bị lưu khóa bí mật:

Số điện thoại di động (6):

Lý do thu hồi:.....

<Địa danh>, ngày.... tháng ... năm

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(2) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cá nhân.

(3), (4) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cơ quan, tổ chức.

(5) Địa chỉ thư điện tử của Thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(6) Trường hợp thu hồi chứng thư số đối với SIM PKI.

✓

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Số, ký hiệu>

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị thu hồi chứng thư số

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin đầu mối phối hợp thu hồi Thiết bị lưu khóa bí mật:

- Họ và tên:Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Chức vụ:Số điện thoại di động:.....Địa chỉ thư điện tử công vụ:
- Địa chỉ thu hồi: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>.

2. Số lượng và danh sách thu hồi: <Tổng số chứng thư số đề nghị thu hồi>, gồm:

| T | Tên chứng thư số | Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu; Ngày cấp, nơi cấp (1) | Mã số thuế (2) | Mã quan hệ ngân sách (3) | Địa chỉ thư điện tử công vụ (4) | Số hiệu chứng thư số | Số hiệu thiết bị lưu khóa bí mật | Số điện thoại di động (5) | Lý do thu hồi |
|-----|------------------|---|----------------|--------------------------|---------------------------------|----------------------|----------------------------------|---------------------------|---------------|
| 01 | | | | | | | | | |
| 02 | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (6)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cá nhân.
- (2), (3) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cơ quan, tổ chức.
- (4) Địa chỉ thư điện tử của Thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.
- (5) Trường hợp thu hồi chứng thư số đối với SIM PKI.
- (6) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

14. Thủ tục thu hồi chứng thư số của cá nhân người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước hoặc người có trách nhiệm phải có văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị thu hồi chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ làm mất hiệu lực của chứng thư số và công bố chứng thư số bị thu hồi trên trang Thông tin điện tử của Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin; đồng thời thông báo thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 12 giờ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng thư số bị mất hiệu lực; thiết bị lưu khóa bí mật được thu hồi.

- Lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số thực hiện theo Mẫu 09 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

+ Văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số thực hiện theo Mẫu 10 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

+ Chứng thư số hết hạn sử dụng;

+ Theo yêu cầu bằng văn bản từ thuê bao, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp trong các trường hợp: Khóa bí mật bị lộ hoặc nghi bị lộ; thiết bị lưu khóa bí mật bị thất lạc hoặc các trường hợp mất an toàn khác; thiết bị lưu khóa bí mật bị hỏng;

+ Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an;

+ Thuê bao vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật được quy định tại Điều 74 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP;

+ Cá nhân thay đổi vị trí công tác mà thông tin về vị trí công tác mới không phù hợp với thông tin trong chứng thư số;

+ Cá nhân nghỉ hưu, thôi việc, từ trần;

+ Cá nhân thay đổi thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, thay đổi chức danh nhà nước.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ THU HỒI CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

Họ và tên (chữ in hoa):Giới tính: Nam Nữ

Ngày sinh: Nơi sinh:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Chức vụ:

Cơ quan, tổ chức công tác:

Số điện thoại di động:

Đề nghị thu hồi chứng thư số:

Tên chứng thư số (1):

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (2): Ngày cấp: Nơi cấp:

Mã số thuế (3):

Mã quan hệ ngân sách (4):

Địa chỉ thư điện tử công vụ (5):

Số hiệu chứng thư số:

Số hiệu Thiết bị lưu khóa bí mật:

Số điện thoại di động (6):

Lý do thu hồi:

<Địa danh>, ngày.... tháng ... năm

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(2) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cá nhân.

(3), (4) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cơ quan, tổ chức.

(5) Địa chỉ thư điện tử của Thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(6) Trường hợp thu hồi chứng thư số đối với SIM PKI.

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>

<Số, ký hiệu>

V/v đề nghị thu hồi chứng thư số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin đầu mỗi phối hợp thu hồi Thiết bị lưu khóa bí mật:

- Họ và tên:Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Chức vụ:Số điện thoại di động:.....Địa chỉ thư điện tử công vụ:
- Địa chỉ thu hồi: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>.

2. Số lượng và danh sách thu hồi: <Tổng số chứng thư số đề nghị thu hồi>, gồm:

| T | Tên chứng thư số | Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu; Ngày cấp, nơi cấp (1) | Mã số thuế (2) | Mã quan hệ ngân sách (3) | Địa chỉ thư điện tử công vụ (4) | Số hiệu chứng thư số | Số hiệu thiết bị lưu khóa bí mật | Số điện thoại di động (5) | Lý do thu hồi |
|-----|------------------|---|----------------|--------------------------|---------------------------------|----------------------|----------------------------------|---------------------------|---------------|
| 01 | | | | | | | | | |
| 02 | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (6)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cá nhân.
(2), (3) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cơ quan, tổ chức.
(4) Địa chỉ thư điện tử của Thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.
(5) Trường hợp thu hồi chứng thư số đối với SIM PKI.
(6) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

15

15. Thủ tục thu hồi chứng thư số của cơ quan, tổ chức

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1. Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của cơ quan, tổ chức hoặc người có trách nhiệm phải có văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị thu hồi chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ làm mất hiệu lực của chứng thư số và công bố chứng thư số bị thu hồi trên trang Thông tin điện tử của Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin; đồng thời thông báo thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- *Thành phần hồ sơ:* Văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

- *Thời hạn giải quyết:* 12 giờ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cơ quan, tổ chức.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng thư số bị mất hiệu lực; thiết bị lưu khóa bí mật được thu hồi.

- *Lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

+ Văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số thực hiện theo Mẫu 09 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

+ Văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số thực hiện theo Mẫu 10 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*

+ Chứng thư số hết hạn sử dụng;

+ Theo yêu cầu bằng văn bản từ thuê bao, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp trong các trường hợp: Khóa bí mật bị lộ hoặc nghi bị lộ; thiết bị lưu khóa bí mật bị thất lạc hoặc các trường hợp mất an toàn khác; thiết bị lưu khóa bí mật bị hỏng;

+ Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an;

+ Thuê bao vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật được quy định tại Điều 74 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP;

+ Cơ quan, tổ chức giải thể.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ THU HỒI CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

Họ và tên (chữ in hoa):Giới tính: Nam Nữ

Ngày sinh: Nơi sinh:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Chức vụ:

Cơ quan, tổ chức công tác:

Số điện thoại di động:

Đề nghị thu hồi chứng thư số:

Tên chứng thư số (1):

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (2): Ngày cấp: Nơi cấp:

Mã số thuế (3):

Mã quan hệ ngân sách (4):

Địa chỉ thư điện tử công vụ (5):

Số hiệu chứng thư số:

Số hiệu Thiết bị lưu khóa bí mật:

Số điện thoại di động (6):

Lý do thu hồi:

<Địa danh>, ngày.... tháng ... năm

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(2) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cá nhân.

(3), (4) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cơ quan, tổ chức.

(5) Địa chỉ thư điện tử của Thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(6) Trường hợp thu hồi chứng thư số đối với SIM PKI.

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Số, ký hiệu>

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị thu hồi chứng thư số

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin đầu mối phối hợp thu hồi Thiết bị lưu khóa bí mật:

- Họ và tên:Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Chức vụ:Số điện thoại di động:.....Địa chỉ thư điện tử công vụ:
- Địa chỉ thu hồi: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>.

2. Số lượng và danh sách thu hồi: <Tổng số chứng thư số đề nghị thu hồi>, gồm:

| T T | Tên chứng thư số | Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu; Ngày cấp, nơi cấp (1) | Mã số thuế (2) | Mã quan hệ ngân sách (3) | Địa chỉ thư điện tử công vụ (4) | Số hiệu chứng thư số | Số hiệu thiết bị lưu khóa bí mật | Số điện thoại di động (5) | Lý do thu hồi |
|--------|---------------------|---|-------------------|--------------------------------|---------------------------------------|----------------------------|--|---------------------------------|------------------|
| 01 | | | | | | | | | |
| 02 | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (6)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cá nhân.
- (2), (3) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cơ quan, tổ chức.
- (4) Địa chỉ thư điện tử của Thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.
- (5) Trường hợp thu hồi chứng thư số đối với SIM PKI.
- (6) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

As

16. Thủ tục thu hồi chứng thư số của thiết bị, dịch vụ, phần mềm

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1. Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của thiết bị, dịch vụ, phần mềm hoặc người có trách nhiệm phải có văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị thu hồi chứng thư số, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ làm mất hiệu lực của chứng thư số và công bố chứng thư số bị thu hồi trên trang Thông tin điện tử của Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin; đồng thời thông báo thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- *Thành phần hồ sơ:* Văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

- *Thời hạn giải quyết:* 12 giờ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cơ quan, tổ chức.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng thư số bị mất hiệu lực; thiết bị lưu khóa bí mật được thu hồi.

- *Lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

+ Văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số thực hiện theo Mẫu 09 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

+ Văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số thực hiện theo Mẫu 10 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*

+ Chứng thư số hết hạn sử dụng;

+ Theo yêu cầu bằng văn bản từ thuê bao, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp trong các trường hợp: Khóa bí mật bị lộ hoặc nghi bị lộ; thiết bị lưu khóa bí mật bị thất lạc hoặc các trường hợp mất an toàn khác; thiết bị lưu khóa bí mật bị hỏng;

+ Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an;

+ Thuê bao vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật được quy định tại Điều 74 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP;

+ Thiết bị, dịch vụ, phần mềm ngừng hoạt động.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ THU HỒI CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

Họ và tên (chữ in hoa):Giới tính:...... Nam Nữ

Ngày sinh: Nơi sinh:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Chức vụ:.....

Cơ quan, tổ chức công tác:

Số điện thoại di động:.....

Đề nghị thu hồi chứng thư số:

Tên chứng thư số (1):

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (2): Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Mã số thuế (3):.....

Mã quan hệ ngân sách (4):.....

Địa chỉ thư điện tử công vụ (5):

Số hiệu chứng thư số:

Số hiệu Thiết bị lưu khóa bí mật:

Số điện thoại di động (6):

Lý do thu hồi:.....

<Địa danh>, ngày.... tháng ... năm

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(2) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cá nhân.

(3), (4) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cơ quan, tổ chức.

(5) Địa chỉ thư điện tử của Thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(6) Trường hợp thu hồi chứng thư số đối với SIM PKI.

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

<Số, ký hiệu>

V/v đề nghị thu hồi chứng thư số

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

1. Thông tin đầu mối phối hợp thu hồi Thiết bị lưu khóa bí mật:

- Họ và tên:Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Chức vụ:Số điện thoại di động:.....Địa chỉ thư điện tử công vụ:
- Địa chỉ thu hồi: *<Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>*.

2. Số lượng và danh sách thu hồi: <Tổng số chứng thư số đề nghị thu hồi>, gồm:

| T | Tên chứng thư số | Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu; Ngày cấp, nơi cấp (1) | Mã số thuế (2) | Mã quan hệ ngân sách (3) | Địa chỉ thư điện tử công vụ (4) | Số hiệu chứng thư số | Số hiệu thiết bị lưu khóa bí mật | Số điện thoại di động (5) | Lý do thu hồi |
|-----|------------------|---|----------------|--------------------------|---------------------------------|----------------------|----------------------------------|---------------------------|---------------|
| 01 | | | | | | | | | |
| 02 | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (6)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cá nhân.
- (2), (3) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cơ quan, tổ chức.
- (4) Địa chỉ thư điện tử của Thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.
- (5) Trường hợp thu hồi chứng thư số đối với SIM PKI.
- (6) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.

17. Thủ tục khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1. Thuê bao có văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

Bước 2. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ hoặc tổ chức được ủy quyền khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật thực hiện việc khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật và thông báo cho thuê bao đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật và cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

- *Thành phần hồ sơ:* Văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

- *Thời hạn giải quyết:* 24 giờ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức, cá nhân.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Thiết bị lưu khóa bí mật được khôi phục.

- *Lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

+ Văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật thực hiện theo Mẫu 11 gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

+ Văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật thực hiện theo Mẫu 12 gửi đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ hoặc tổ chức được Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ ủy quyền.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*

+ Thiết bị lưu khóa bí mật sẽ bị khóa khi nhập sai mật khẩu quá số lần quy

định do Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ thiết lập;

+ Đề thiết bị lưu khóa bí mật hoạt động trở lại, cần phải thực hiện quy trình khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật;

+ Chỉ có Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ và các tổ chức được Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ ủy quyền mới có quyền khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật;

+ Danh sách các tổ chức được Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ ủy quyền khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật được công bố trên trang Thông tin điện tử của Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

+ Thông tư số 185/2019/TT- BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KHÔI PHỤC THIẾT BỊ LƯU KHÓA BÍ MẬT

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

Họ và tên (chữ in hoa):Giới tính: ... Nam Nữ

Ngày sinh:Nơi sinh:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Cơ quan, tổ chức công tác:

Chức vụ:

Số điện thoại di động:

Đề nghị khôi phục Thiết bị lưu khóa bí mật:

Số hiệu Thiết bị lưu khóa bí mật:

Tên chứng thư số (1):

Địa chỉ thư điện tử công vụ (2):

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(2) Địa chỉ thư điện tử của Thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

<CƠ QUAN CHỦ QUẢN>
<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>

<Số, ký hiệu>

V/v đề nghị khôi phục Thiết bị lưu khóa bí mật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

<Địa danh>, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ (hoặc tổ chức được ủy quyền).

1. Thông tin về Thiết bị lưu khóa bí mật cần khôi phục:

| TT | Số hiệu Thiết bị lưu khóa bí mật | Thông tin của thuê bao | | |
|-----|----------------------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| | | Tên chứng thư số (1) | Cơ quan, tổ chức công tác | Địa chỉ thư điện tử công vụ |
| 01 | | | | |
| 02 | | | | |
| ... | | | | |

2. Thông tin về người phối hợp hỗ trợ khôi phục Thiết bị lưu khóa bí mật:

Họ và tên:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:Ngày cấp:.....Nơi cấp:

Cơ quan, tổ chức công tác:

Số điện thoại di động:Số điện thoại cơ quan:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT...

Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (2)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.

(2) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.